

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 584**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và khai thác công trình giao thông 584 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ 01/01 đến 30/06/2008.

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584

Công ty cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 được thành lập theo Quyết định số 1415/1999/QĐ - BGTVT ngày 14/06/1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-BGTVT ngày 6/4/2007 của Bộ GTVT về việc phê duyệt phương án bán Công ty 584 thuộc Tổng Công ty XDCTGT 5 và căn cứ hợp đồng số 809/HĐMB-DMDN ngày 14/5/2007 về việc mua, bán Công ty Nhà nước giữa Tổng Công ty XDCTGT 5 và Ban đại diện tập thể người lao động Công ty ĐTXD và khai thác CTGT 584, từ ngày 16/05/2007 Công ty Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 được chuyển thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 theo Biên bản bàn giao Công ty nhà nước sang Công ty Cổ phần ngày 29/05/2007. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 4103006731 ngày 16/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty có 2 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cụ thể:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày ngày 16 tháng 05 năm 2007;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày ngày 31 tháng 05 năm 2007.

Vốn Điều lệ: 150.000.000.0000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).

Các cổ đông sáng lập gồm:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Trần Kim Minh	12.581.100	85,67
2	Nguyễn Văn Nhị	200.000	1,33
3	Trần Văn Hữu	120.000	0,80
4	Các cổ đông khác	1.828.900	12,19

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) trong nước công trình giao thông;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy điện, thủy lợi;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Sửa chữa phương tiện thiết bị thi công và gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép sản phẩm cơ khí khác;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở kỹ thuật, hạ tầng Khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà đất;
- Tư vấn xây dựng: Lập dự án đầu tư về xây dựng, lập dự toán, tổng dự toán các công trình xây dựng nhóm B - C, thẩm tra dự án nhóm B - C, dự án thiết kế nhóm B - C;
- Mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị Giao thông vận tải;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở)/.

Địa chỉ: Số 785/1 - đường Lũy Bán Bích - phường Phú Thọ Hòa - quận Tân Phú - thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84 - 08) 8 444 648

Fax: (84 - 08) 8 457 425



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

- Ông Trần Kim Minh	Chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Nhị	Phó Chủ tịch
- Ông Phan Đình Tuyền	Ủy viên

Ban Giám đốc

- Ông Trần Kim Minh	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Nhị	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trương Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Bùi Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Huỳnh Đông Hà	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2008 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2008.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 584**

Số 785/1 Lũy Bán Bích, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
Tel: (84) 08 2 222 584 Fax: (84) 08 2 233 584

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính cho kỳ

hoạt động từ 01/01/2008

đến 30/06/2008

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 584



Trần Kim Minh

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2008

Số: *11* /T II-VAE

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2008

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584**

**Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 được lập ngày 02/08/2008 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 37 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các ước tính kế toán, những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán được áp dụng và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi cũng đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi xin lưu ý, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán là Báo cáo riêng của nhà đầu tư, do đó các khoản đầu tư và Công ty liên doanh, kiên kết và đầu tư dài hạn khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Giới hạn phạm vi kiểm toán

- Do việc bổ nhiệm Kiểm toán viên diễn ra sau thời điểm 30/06/2008 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công việc kiểm kê hoặc thực hiện các thủ tục thay thế đối với các khoản mục tiền mặt, hàng hóa tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm nêu trên. Vì vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về sự hiện hữu cũng như giá trị của những khoản mục này được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008;

028/08
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
ĐỊNH GIÁ
VIỆT NAM
TP

- Đến thời điểm kiểm toán Công ty chưa tiến hành rà soát, đối chiếu đầy đủ công nợ phải thu, phải trả và số dư tiền vay. Theo đó số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể phản ánh chưa phù hợp với thực tế phát sinh.
- Trong kỳ, Công ty đã hạch toán khoản chi thưởng cho người lao động với tổng số tiền là 1.415.040.000 đồng vào chi phí tiền lương. Theo ý kiến của chúng tôi, khoản chi thưởng này có thể không được coi là chi phí hợp lý hợp lệ để tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Bất cứ sự điều chỉnh nào liên quan cũng đều ảnh hưởng đến các khoản mục nêu trên.
- Trong kỳ, Công ty ghi nhận doanh thu khi bàn giao nhà tại khu chung cư Phú Thọ Hòa của kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007 cho các đối tượng mua theo hợp đồng mua bán căn hộ, trong điều kiện chưa có hồ sơ hoàn công và làm thủ tục về chuyển quyền sở hữu. Theo đó, Công ty cũng chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng và tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động trên theo Quyết định số 62/2008/QĐ - BTC ngày 01/08/2008 của Bộ Tài chính. Bất cứ sự điều chỉnh nào liên quan đến các khoản mục trên cũng đều ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến 30/06/2008.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và khai thác công trình giao thông 584 cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và khai thác công trình giao thông 584 giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
 Tổng giám đốc
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Cao Việt Hồng
 Kiểm toán viên
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1231/KTV



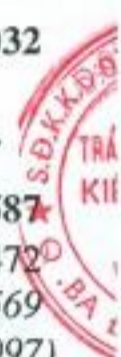
Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2008	01/01/2008
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		345.469.149.593	169.201.822.727
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		27.031.647.214	10.733.759.647
1. Tiền	111	V.01	27.031.647.214	10.733.759.647
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.000.000	100.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	100.000.000	100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		150.297.275.662	104.592.337.153
1. Phải thu khách hàng	131	VIII.2.1	17.694.099.858	2.805.334.449
2. Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	82.087.406.392	70.409.578.703
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	50.515.769.412	31.377.424.001
IV. Hàng tồn kho	140		83.990.289.437	5.839.303.835
1. Hàng tồn kho	141	V.05	83.990.289.437	5.839.303.835
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		84.049.937.280	47.936.422.092
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.674.286.993	4.704.345.034
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.132.630.324	14.016.796.035
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	55.243.019.963	29.215.281.023
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		725.801.227.963	610.027.305.032
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		553.625.497.711	445.851.582.587
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	57.763.855.117	4.690.890.472
- Nguyên giá	222		60.466.449.747	6.557.597.569
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.702.594.630)	(1.866.707.097)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	495.861.642.594	441.160.692.115
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		167.038.349.150	163.838.349.150
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VIII.2.4	3.500.000.000	1.200.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	163.538.349.150	162.638.349.150
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.137.381.102	337.373.295
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	5.059.381.052	259.373.245
3. Tài sản dài hạn khác	268		78.000.050	78.000.050
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.071.270.377.556	779.229.127.759



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2008

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2008	01/01/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		902.633.319.597	635.534.910.094
I. Nợ ngắn hạn	310		719.358.314.597	511.659.207.094
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	232.400.200.000	122.000.000.000
2. Phải trả người bán	312	VIII.2.5	34.228.145.649	5.635.132.730
3. Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.6	389.857.715.885	362.490.479.594
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	25.086.243.890	3.589.397
5. Phải trả người lao động	315		128.395.036	-
6. Chi phí phải trả	316	V.12	6.953.881.309	7.267.643.808
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	30.703.732.828	14.262.361.565
II. Nợ dài hạn	330		183.275.005.000	123.875.703.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	183.275.005.000	123.875.703.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		168.637.057.959	143.694.217.665
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	168.637.057.959	143.694.217.665
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.939.002.800	12.939.002.800
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.698.055.159	(19.244.785.135)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)	440		1.071.270.377.556	779.229.127.759

TP Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2008

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Bình

Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Phước

Giám đốc



Trần Kim Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ	THUYẾT	Kỳ hoạt động từ	Kỳ hoạt động từ
	SỐ	MINH	01/01/2008 đến 30/06/2008	16/05/2007 đến 31/12/2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	254.729.446.052	14.448.887.420
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.17	254.729.446.052	14.448.887.420
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	225.009.123.862	14.485.242.109
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		29.720.322.190	(36.354.689)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	267.115.003	522.814.446
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	236.535.546	861.391.266
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		236.535.546	861.391.266
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7	5.872.020.569	4.837.436.106
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		23.878.881.078	(5.212.367.615)
11. Thu nhập khác	31	VIII.2.8	1.348.110.486	2.442.643.776
12. Chi phí khác	32	VIII.2.9	640.745.007	599.593.319
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		707.365.479	1.843.050.457
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		24.586.246.557	(3.369.317.158)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		24.586.246.557	(3.369.317.158)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.639	-
19. Lợi nhuận năm trước chuyển sang			(19.244.785.135)	(15.875.467.977)
20. Các khoản giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế			356.593.737	-
21. Lợi nhuận lũy kế			5.698.055.159	(19.244.785.135)

TP Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2008

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác
công trình giao thông 584

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Bình

Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Phước

Giám đốc



Trần Kim Minh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<Theo phương pháp trực tiếp>

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến 30/06/2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		517.956.609.962	227.141.116.833
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(275.220.062.671)	(329.289.666.526)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.637.031.520)	(194.660.354)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.736.720.434)	(136.918.944)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		243.869.832.673	168.200.316.265
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(621.363.957.468)	(17.026.542.208)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(142.131.329.458)	48.693.645.066
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.066.642.550)	(1.257.119.672)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		629.242.572	860.797.334
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.200.000.000)	(163.838.349.150)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		267.115.003	465.939.375
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.370.284.975)	(163.768.732.113)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	151.440.005.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(12.469.302.200)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		228.900.200.000	70.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(59.100.698.000)	(93.164.726.095)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		169.799.502.000	115.805.976.705
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		16.297.887.567	730.889.658
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.733.759.647	10.002.869.985
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	27.031.647.214	10.733.759.647

TP Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2008

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Thanh Bình

Hoàng Ngọc Phước

Trần Kim Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008**

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 được thành lập theo Quyết định số 1415/1999/QĐ - BGTVT ngày 14/06/1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-BGTVT ngày 6/4/2007 của Bộ GTVT về việc phê duyệt phương án bán Công ty 584 thuộc Tổng Công ty XDCTGT 5 và căn cứ hợp đồng số 809/HĐMB-DMDN ngày 14/5/2007 về việc mua, bán Công ty Nhà nước giữa Tổng Công ty XDCTGT 5 và Ban đại diện tập thể người lao động Công ty ĐTXD và khai thác CTGT 584, từ ngày 16/05/2007 Công ty Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 được chuyển thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 theo Biên bản bàn giao Công ty nhà nước sang Công ty Cổ phần ngày 29/05/2007. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 4103006731 ngày 16/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty có 2 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cụ thể:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày ngày 16 tháng 05 năm 2007;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày ngày 31 tháng 05 năm 2007.

Vốn Điều lệ: 150.000.000.0000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).

2. Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư theo phương thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) trong nước công trình giao thông;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy điện, thủy lợi;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Sửa chữa phương tiện thiết bị thi công và gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép sản phẩm cơ khí khác;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở kỹ thuật, hạ tầng Khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà đất;
- Tư vấn xây dựng: Lập dự án đầu tư về xây dựng, lập dự toán, tổng dự toán các công trình xây dựng nhóm B và C, thẩm tra dự án nhóm B và C, dự án thiết kế nhóm B và C;
- Mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị giao thông vận tải;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở)/.

Địa chỉ: Số 785/1 Lũy Bán Bích - phường Phú Thọ Hòa - quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84 - 08) 8 444 648

Fax: (84 - 08) 8 457 425

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 là Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
(tiếp theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán SMART. Đến thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp giá thực tế đích danh

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm 30/06/2008 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ - BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008***(tiếp theo)*

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

*Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>*

Nhà cửa vật kiến trúc	
Máy móc, thiết bị	4 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	2 - 10

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là khoản cho vay có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là các khoản đầu tư vào các công ty liên kết là : Công ty CP Tư vấn giám sát 584.2 chiếm 20% ; Công ty CP XD 584.3 chiếm 40%; Công ty CP Cơ điện lạnh 584.4 chiếm 30%; Công ty cổ phần Kinh doanh Vật tư thiết bị 584.5 chiếm 30% ;

Và các khoản đầu tư dài hạn khác vào : Công ty TNHH Kinh doanh nhà Đồng Danh, Công ty TNHH Hoàn Cầu, Công ty TNHH Nông sản thực phẩm Hải Vương.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí :

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm được phân bổ 50% giá trị khi bắt đầu đưa vào sử dụng và được phân bổ nốt 50% giá trị còn lại khi bị hỏng.

Chi phí quản lý văn phòng Công ty được phân bổ cho các công trình xây dựng theo chi phí thực tế phát sinh của các công trình trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

Chi phí phải trả của Công ty là các khoản chi phí thực tế của công trình san lấp mặt bằng sân golf được Công ty ước tính căn cứ vào hợp đồng giao khoán chi phí.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu đầu tư xây dựng kinh doanh nhà đất, doanh thu cho thuê văn phòng và doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu xây dựng và bán nhà chung cư Phú Thọ Hoà Công ty chưa được Công ty ghi nhận khi Công ty đã bàn giao nhà cho các đối tượng mua theo hợp đồng mua bán căn hộ nhưng Công ty chưa có hồ sơ hoàn công cũng như chưa hoàn thành đầy đủ thủ tục pháp lý về việc chuyển quyền sở hữu.

Doanh thu bán vật tư được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao vật tư cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ hoạt động xây lắp các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng đã thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu cho thuê văn phòng được xác định theo hợp đồng kinh tế đã ký, đã phát hành hóa đơn GTGT.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ. Các loại doanh thu đều phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
(tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán vật tư, doanh thu cho thuê văn phòng, doanh thu xây lắp, doanh thu đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà đất, doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng và doanh thu thanh lý TSCĐ.

Doanh thu bán vật tư được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao vật tư cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cho thuê văn phòng được xác định theo hợp đồng kinh tế đã ký, đã phát hành hóa đơn GTGT.

Các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng đã thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu xây dựng và bán nhà chung cư Phú Thọ Hoà Công ty chưa được Công ty ghi nhận khi Công ty đã bàn giao nhà cho các đối tượng mua theo hợp đồng mua bán căn hộ nhưng Công ty chưa có hồ sơ hoàn công cũng như chưa hoàn thành đầy đủ thủ tục pháp lý về việc chuyển quyền sở hữu.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ. Các loại doanh thu đều phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Công ty chưa theo dõi tuổi nợ của các đối tượng công nợ và chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

12.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản của Công ty bao gồm chi phí của các dự án : Tân Kiên, Phú Thọ Hoà, Gò Vấp, ... được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

12.3. Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với toàn bộ các hoạt động xây lắp, cho thuê văn phòng, bán nhà chung cư (Công ty chưa xuất hoá đơn GTGT) và các dịch vụ tại chung cư Phú Thọ Hoà phát sinh trong kỳ;

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 là Công ty Cổ phần thành lập do chuyển đổi sở hữu theo nghị định số 80/2005/NĐ-CP ngày 22/6/2005 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty Nhà nước vào thời điểm 16/05/2007 nên được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính. Công ty chưa hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động chuyển quyền sử dụng đất gắn với việc bán các căn hộ chung cư cao tầng theo Quyết định số 62/2008/QĐ - BTC ngày 01/08/2008 của Bộ Tài chính.

Thuế khác

Công ty áp dụng thuế suất 4% đối với việc chuyển nhượng quyền sở hữu nhà chung cư theo điểm 3 phần II tại Thông tư số 104/2000/TT-BTC ngày 23/10/2000 của Bộ Tài chính.

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn xây lắp được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và theo hợp đồng giao khoán phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ. Căn cứ theo tỷ lệ giao khoán chi phí cho từng công trình, Công ty đã tập hợp chi phí theo yếu tố sản xuất để kết chuyển vào giá vốn theo Biên bản xác nhận khối lượng công việc hoàn thành hoặc phiếu thanh toán có xác nhận của chủ đầu tư và nhà thầu (Công ty).

Giá vốn bán nhà chung cư Công ty chưa ghi nhận khi đã bàn giao nhà cho các đối tượng mua theo hợp đồng mua bán căn hộ do Công ty chưa có hồ sơ hoàn công cũng như chưa hoàn thành đầy đủ thủ tục pháp lý về việc chuyển quyền sở hữu.

1020
CÔNG
HÀNH
M T
ĐỊNH
TẾT
INH

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
<i>Tiền mặt</i>	26.647.078.094	195.724.244
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	384.569.120	10.538.035.403
<i>VND</i>	373.643.788	10.533.022.425
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Chợ Lớn	77.592.933	125.200.628
Ngân hàng Việt Á	174.182	174.182
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - quận 10	48.104.436	47.358.747
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	74.150.206	7.595.477.206
Ngân hàng Ngoại thương TP HCM	5.687.449	5.629.691
Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - CN Chợ Lớn	1.548.200	1.548.200
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - chi nhánh 4	5.514.633	876.692.667
Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương - Nguyễn Sơn	2.214.241	508.720.834
Ngân hàng Nam Á	42.311.965	28.828.376
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam Sở giao dịch II	87.333.518	1.340.190.220
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam - Eximbank	7.481.125	-
Ngân hàng Công thương II - chi nhánh TP Hồ Chí Minh	1.002.267	-
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Tân Bình	1.577.347	-
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Bình Định	1.098.193	1.086.516
Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh Sài Gòn	1.125.540	1.111.258
Ngân hàng NN&PTNT - chi nhánh Nam Sài Gòn	14.519.400	1.003.900
Ngân hàng Quốc tế - chi nhánh Tân Bình	2.208.153	-
<i>USD</i>	10.925.332	5.012.978
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quận 10	150.739	150.739
Ngân hàng Đầu tư Phát triển - chi nhánh Sở giao dịch II	3.274.289	1.630.415
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế - Gò Vấp	2.030.212	1.620.102
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - chi nhánh 4	1.616.906	1.611.722
Ngân hàng Nam Á	3.853.186	-
Tổng cộng	27.031.647.214	10.733.759.647

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	100.000.000	100.000.000
Văn Công Thuận (vay ngắn hạn)	100.000.000	100.000.000
Tổng cộng	100.000.000	100.000.000

16/06
 G TY
 M HỮU
 OÁN
 GIÁ
 NAM
 TP

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
(tiếp theo)

3. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2008 VND	01/01/2008 VND
Chi phí quản lý văn phòng Công ty chờ phân bổ vào chi phí các dự án và công trình dài hạn	5.674.286.993	4.704.345.034
Tổng cộng	5.674.286.993	4.704.345.034

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2008 VND	01/01/2008 VND
Phải thu khác	46.357.224.753	26.711.364.446
Đỗ Quốc Túy	66.392.085	66.392.085
Chi nhánh Phú Yên Công ty 507	293.930.228	293.930.228
Lê Thành Nhơn	1.500.000.000	1.500.000.000
Mai Tùng Hưng - công trình quốc lộ 30	16.025.876	16.025.876
Nguyễn Phi Sơn	231.747.162	231.747.162
Nguyễn Thiện Đội 403 Vay thi công.	28.000.000	28.000.000
Nguyễn Văn Đạm - công trình quốc lộ 31	211.680.141	211.680.141
Trương Trung Trực	50.000.000	50.000.000
Trần Minh Dũng	20.000.000	20.000.000
Trịnh Quang Hợp	16.700.000	16.700.000
Văn phòng đại diện TP Hồ Chí Minh	15.000.000	15.000.000
Xí nghiệp 720	411.351.316	411.351.316
Xí nghiệp 739	396.831.654	396.831.654
Công ty Cổ phần Xây dựng 584.3	6.250.729.230	2.413.532.421
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh 584.4	800.000.000	200.425.594
Trần Kim Minh	3.075.520.000	3.075.520.000
Nhâm Thị Quý	100.000.000	100.000.000
Trần Đình Phong	200.000.000	200.000.000
Phạm Hoàng Linh	100.000.000	100.000.000
Lê Hồng Công - đội XD 417	800.000.000	800.000.000
Đỗ Thanh Trường	-	100.000.000
Huỳnh Tấn Tước	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần kinh doanh Vật tư thiết bị 584.5	5.360.865	1.900.000.000
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5	14.019.757.067	14.019.757.067
Ban quản lý chung cư Phú Thọ Hòa	102.008.052	202.550.500
Lê Đình Chiến	2.874.875.000	-
Xí nghiệp 507 ĐT 760.	50.000.000	50.000.000
Xí nghiệp 575	75.000.000	75.000.000
Khu Quản lý đường sắt đảm bảo giao thông thủy	75.000.000	75.000.000
John - Paul Đỗ Đức Hậu	14.391.100.000	-
Các đối tượng khác	80.216.077	41.920.402

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

<i>Dư nợ TK 338</i>	4.158.544.659	4.666.059.555
Chi hỗ trợ đến bù	1.291.184.555	1.291.184.555
Lê Đình Chiến - đất Tân Kiên		3.374.875.000
Huỳnh Thị Ngọc Thảo	20.000.000	-
Vũ Thị Diệp Chi	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Hoàn Vũ	1.373.327.294	-
Nguyễn Công Khế	200.000.000	-
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	1.174.032.810	-
Tổng cộng	50.515.769.412	31.377.424.001

5. Hàng tồn kho

	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
<i>Nguyên liệu, vật liệu</i>		-
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	75.471.400	-
Công cụ, dụng cụ văn phòng	75.471.400	-
	-	-
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</i>	83.914.818.037	5.839.303.835
Cung trình diễn hoa hậu hoàn vũ 2008	-	3.630.031.541
Dự án Cara resort - Nha Trang	-	2.209.272.294
Khu du lịch và giải trí Nha Trang	69.748.034.704	-
Xây dựng trung tâm thương mại 20 Trần Phú - Nha Trang	14.166.783.333	-
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	83.990.289.437	5.839.303.835



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
(tiếp theo)

6. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng	
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2008	-	1.720.421.426	2.725.788.434	1.683.510.979	427.876.730	6.557.597.569	
Mua trong năm	47.210.848.426	3.472.965.273	2.707.414.215	977.931.598	189.437.273	54.558.596.785	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(618.350.607)	-	(31.394.000)	(649.744.607)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 30/06/2008	47.210.848.426	5.193.386.699	4.814.852.042	2.661.442.577	585.920.003	60.466.449.747	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2008	-	14.307.665	948.392.659	893.809.172	10.197.601	1.866.707.097	
Khấu hao trong năm	39.156.169	153.262.248	270.737.975	355.066.629	17.664.512	835.887.533	
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 30/06/2008	39.156.169	167.569.913	1.219.130.634	1.248.875.801	27.862.113	2.702.594.630	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2008	-	1.706.113.761	1.777.395.775	789.701.807	417.679.129	4.690.890.472	
Tại ngày 30/06/2008	47.171.692.257	5.025.816.786	3.595.721.408	1.412.566.776	558.057.890	57.763.855.117	

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2008 VND	01/01/2008 VND
Dự án Tân Kiên	239.509.002.380	193.522.856.302
Dự án Phú Thọ Hòa	-	244.946.723.021
Dự án Thảo Điền quận 2	4.308.601.577	1.512.870.369
Dự án Nhà Bè quận 7 thành phố Hồ Chí Minh	-	9.064.540
Dự án P17 quận Gò Vấp	28.539.364.911	1.169.177.883
Dự án P25 quận Bình Thạnh	154.701.170.434	-
Dự án Trịnh Đình Trọng	68.703.503.292	-
Dự án P13, quận Bình Thạnh	100.000.000	-
Tổng cộng	495.861.642.594	441.160.692.115

8. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2008 VND	01/01/2008 VND
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>163.538.349.150</i>	<i>162.638.349.150</i>
Góp vốn vào Công ty CP Tư Vấn Thiết kế 584.1	-	100.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Đồng Danh	8.738.349.150	8.738.349.150
Công ty TNHH Hoàn Cầu	105.800.000.000	105.800.000.000
Công ty TNHH Nông sản thực phẩm Hải Vương	48.000.000.000	48.000.000.000
Công ty 584.6	1.000.000.000	-
Tổng cộng	163.538.349.150	162.638.349.150

9. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2008 VND	01/01/2008 VND
Chi phí trả trước công cụ, dụng cụ văn phòng chờ phân bổ	544.720.522	259.373.245
Chi phí chờ kết chuyển (chi phí quản lý văn phòng Công ty phân bổ cho các công trình)	4.514.660.530	-
Tổng cộng	5.059.381.052	259.373.245

10. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2008 VND	01/01/2008 VND
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Thanh Niên	4.000.000.000	4.000.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sở giao dịch II	-	13.000.000.000
Ngân hàng No & PTNT Việt Nam - chi nhánh 4	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng No & PTNT Việt Nam - chi nhánh Nam Sài Gòn	55.000.000.000	55.000.000.000
Ngân hàng Công thương 2 - chi nhánh TP Hồ Chí Minh	33.000.000.000	-
Ngân hàng Nam Á	66.800.000.000	-
Lê Thị Bích Phượng	18.948.000.000	-
Trần Thị Hương	4.652.200.000	-
Tổng cộng	232.400.200.000	122.000.000.000

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Khoản mục				Đơn vị tính: VND
	01/01/2008	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2008
Thuế GTGT	-	25.204.713.984	131.996.760	25.072.717.224
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	439.989.200	439.989.200	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	361.305.000	361.305.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.589.397	262.775.215	252.837.946	13.526.666
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khc	-	-	-	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.589.397	26.271.783.399	1.189.128.906	25.086.243.890

12. Chi phí phải trả

	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	6.658.014.642	4.660.576.512
Trích trước chi phí công trình san lấp mặt bằng sân golf - quận 2	295.866.667	2.607.067.296
Tổng cộng	6.953.881.309	7.267.643.808

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>119.967.925</i>	<i>49.984.431</i>
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>92.940.948</i>	<i>91.218.821</i>
<i>Bảo hiểm y tế</i>	<i>13.941.142</i>	<i>13.682.823</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>30.476.882.813</i>	<i>14.107.475.490</i>
<i>Dư Có TK 338- phải trả, phải nộp khác</i>	<i>29.469.592.348</i>	<i>13.280.352.553</i>

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

Công ty Bình Chiếu	40.000.000	40.000.000
Công ty Xây dựng công trình 507	13.042.583.853	13.042.583.853
Đỗ Quốc Túy	52.769.250	-
Bùi Xuân Lâm	58.032.000	-
Ban quản lý dự án Phú Thọ Hòa - quận Tân Phú	7.943.565.500	-
San lấp khu Trung Sơn	43.768.700	43.768.700
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ & Chế biến thủy hải sản Hòa Phát	30.866.038	54.000.000
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5	-	89.500.000
Trung tâm Viễn thông Điện lực miền Nam	118.053.807	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Vinpearl	8.031.200.000	-
Các đối tượng khác	108.753.200	10.500.000
<i>Dư Có TK 138- phải thu khác</i>	<i>628.267.292</i>	<i>253.252.190</i>
Công ty Xây dựng công trình 586	27.467.900	27.467.900
Công ty TNHH Quảng cáo truyền thông Thiên Hy Long Việt Nam	38.495.000	-
Thuê mặt bằng tầng hầm	13.000.000	7.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông tin học Bưu điện	47.154.000	-
Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	24.000.000	-
Ban quản lý Phú Thọ Hòa	400.650.392	195.550.500
Công ty Cổ phần Xây dựng 584.3	19.250.000	-
Công ty Kinh doanh vật tư thiết bị 584.5	19.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế 584.1	19.250.000	23.233.790
Công ty Cổ phần Tư vấn giám sát 584.2	19.500.000	-
<i>Dư có TK 141</i>	<i>379.023.173</i>	<i>573.870.747</i>
Nguyễn Đình May	-	1.718.517
Hoàng Văn Nghi.	-	12.777.974
Đào Thanh Hưng	114.661.024	114.661.024
Đỗ Quốc Cường	101.585.372	101.585.372
Lê Ngọc Hưng	106.337.261	106.337.261
Phạm Xuân Bưởi	20.076.179	20.076.179
Lê Bá Vẹn	-	206.375.330
Hoàng Văn Nghi	11.419.964	-
Nguyễn Hữu Hãn	7.648.805	7.648.805
Các đối tượng khác	17.294.568	2.690.285
Tổng cộng	30.703.732.828	14.262.361.565

14. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
<i>Vay dài hạn</i>		
Ngân hàng Đầu tư và phát triển sở giao dịch II	98.100.000.000	123.650.700.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	175.005.000	225.003.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
 (tiếp theo)

Ngân hàng Nam Á	85.000.000.000	-
Tổng cộng	183.275.005.000	123.875.703.000

15. Vốn chủ sở hữu

15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Số dư ngày 16/05/2007	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm trước	150.566.000.000	-	-	150.566.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	(3.369.317.158)	(3.369.317.158)
Tăng khác	100.000.000	24.852.805.000	(15.875.467.977)	9.077.337.023
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	(666.000.000)	(11.913.802.200)	-	(12.579.802.200)
Số dư ngày 31/12/2007	150.000.000.000	12.939.002.800	(19.244.785.135)	143.694.217.665
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	24.586.246.557	24.586.246.557
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	356.593.737	356.593.737
Số dư ngày 30/06/2008	150.000.000.000	12.939.002.800	5.698.055.159	168.637.057.959

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2008 VND	01/01/2008 VND
Vốn góp của các đối tượng khác	150.000.000.000	150.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	12.939.002.800	12.939.002.800
Tổng cộng	162.939.002.800	162.939.002.800

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007 VND
Vốn đầu tư của các cổ đông	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	150.666.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

Vốn góp giảm trong năm	-	666.000.000
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

15.4 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	-	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông:	-	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	-	-
Cổ phiếu phổ thông:	-	-
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông:	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	7.935.230.136
Bán vật tư nhập khẩu	-	7.935.230.136
Doanh thu cung cấp dịch vụ	970.672.503	313.939.862
Cho thuê văn phòng 69 Đào Duy Anh	35.828.962	129.803.044
Cho thuê văn phòng 90 Đào Duy Anh	82.068.897	-
Các dịch vụ tòa nhà chung cư Phú Thọ Hòa	852.774.644	184.136.818
Doanh thu hợp đồng xây dựng	161.635.084	6.199.717.422
Công trình khu dân cư Vĩnh Lộc A	-	1.505.661.818
San lấp mặt bằng - Quận 2	161.635.084	-
Công trình quốc lộ 50 - Tiền Giang	-	215.828.302
Công trình san lấp mặt bằng sân golf (NORFOLK)	-	4.332.494.623
Công trình cấp thoát nước sông Sài Gòn	-	145.732.679
Doanh thu kinh doanh bất động sản	253.597.138.465	-
Chuyển quyền sử dụng căn hộ chung cư Phú Thọ Hòa	253.486.626.878	-
Công ty Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	110.511.587	-
Tổng cộng	254.729.446.052	14.448.887.420

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007 VND
Doanh thu thuần bán hàng	970.672.503	7.935.230.136
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	313.939.862
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	161.635.084	6.199.717.422
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	253.597.138.465	-
Tổng cộng	254.729.446.052	14.448.887.420

18. Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	7.886.549.164
Giá vốn vật tư nhập khẩu	-	7.886.549.164
Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	6.598.692.945
Công trình khu dân cư Vĩnh Lộc A	-	1.698.058.086
San lấp mặt bằng - Quận 2	-	-
Công trình quốc lộ 50 - Tiền Giang	-	226.619.717
Công trình san lấp mặt bằng sân golf (NORFOLK)	-	4.248.223.811
Công trình cấp thoát nước sông Sài Gòn	-	306.693.178
Công trình đường tỉnh 760 Biên Hòa - Đồng Nai	-	119.098.153
Giá vốn của kinh doanh bất động sản	225.009.123.862	-
Dự án chung cư Phú Thọ Hòa	225.009.123.862	-
Tổng cộng	225.009.123.862	14.485.242.109

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007 VND
Lãi tiền gửi	244.861.671	522.814.446
Lãi tiền cho vay	22.253.332	-
Tổng cộng	267.115.003	522.814.446

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

20. Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007 VND
Lãi tiền vay ngân hàng, lãi vay cá nhân	236.535.546	861.391.266
Tổng cộng	236.535.546	861.391.266

21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	73.609.762.438	8.111.603.794
Chi phí nhân công	2.213.526.909	3.453.113.706
Chi phí khấu hao tài sản cố định	427.579.560	446.329.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	363.190.355	356.309.707
Chi phí khác bằng tiền	8.139.712.888	1.099.821.976
Tổng cộng	84.753.772.150	13.467.178.890

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan:

	Quan hệ với Công ty	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007 VND
Doanh thu		82.068.897	8.025.198.351
Cho các công ty thuê văn phòng : Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết kế 584.1; Công ty Cổ phần Tư Vấn Giám sát 584.2; Công ty Cổ phần Xây dựng 584.3; Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh 584.4; Công ty cổ phần kinh doanh Vật tư thiết bị 584.5.	Công ty liên kết	82.068.897	138.649.187
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Xây dựng 584.3	Công ty liên kết	-	7.886.549.164
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Đồng Danh			
Công ty TNHH Hoàn Cầu			
Công ty TNHH Nông sản thực phẩm Hải Vương			

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

<i>Mua hàng</i>		82.876.267	55.399.266.716
Công ty Cổ phần xây dựng 584.3	Công ty liên kết	3.894.533.528	9.803.830.170
Công ty Cổ phần Xây dựng 584.4	Công ty liên kết	1.021.287.667	-
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh 584.4	Công ty liên kết	365.253.153	2.666.185.066
Công ty Kinh doanh vật tư thiết bị 584.5	Công ty liên kết	82.876.267	177.844.481
Công ty Cổ phần Tư Vấn Giám sát 584.2	Công ty liên kết	-	60.036.403
Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết kế 584.1	Công ty liên kết	-	161.385.832
Công ty TNHH Hoàn Cầu	Đầu tư khác	-	55.000.000.000

1.2 Thu nhập ban giám đốc được hưởng trong năm:

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007 VND
Lương	494.375.872	244.394.516
Tiền thưởng	6.800.000	7.100.000
Tổng cộng	501.175.872	251.494.516

1.3 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007 VND
<i>Các khoản trả trước cho người bán</i>		9.967.322.850	21.927.040.699
Công ty CP Tư vấn thiết kế 584.1	Công ty liên kết	617.756.000	222.764.800
Công ty CP Tư vấn giám sát 584.2	Công ty liên kết	464.899.999	242.300.257
Công ty CP XD 584.3	Công ty liên kết	8.884.666.851	10.818.774.175
Công ty CP Cơ điện lạnh 584.4	Công ty liên kết	5.000.000.000	3.116.407.467
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Đồng Danh	Đầu tư khác	-	7.526.794.000

2. Những thông tin khác

2.1 Phải thu của khách hàng

	30/06/2008 VND	01/01/2008 VND
Ban Quản lý dự án giao thông 9	241.899.999	241.899.999
Ban Quản lý dự án 135	49.630.136	49.630.136
Ban Quản lý các dự án Tiền Giang	407.564.181	407.564.181
Công ty Đầu tư kinh doanh 656	55.766.978	55.766.978
Nguyễn Thị Phượng	-	52.696.750
Công ty TNHH Lê Đạt	74.600.000	74.600.000
Doanh Thu Bãi khởi Công Rạch Miễu	452.253.209	452.253.209

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

Doanh thu công trình Khánh An Cà Mau	391.620.511	391.620.511
Nguyễn Văn Huy	12.000.000	12.000.000
Phải thu tiền KL CT Đường 304	83.940.325	83.940.325
Phòng Giao thông huyện Thoại Sơn	26.589.000	26.589.000
Thu khối lượng Đường tỉnh 760 Biên Hòa Đồng Nai	510.587.310	510.587.310
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Đồng Danh	444.672.850	444.672.850
Bùi Đức Trung	373.060.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	6.060.079.815	-
Dư Vinh Sum	49.800.000	-
Hồ Thị Kiều My	54.262.000	-
Hồ Văn Hùng	66.177.085	-
Hoàng Đại Thanh	54.113.500	-
Huỳnh Thanh Lâm	68.885.950	-
Huỳnh Thu Huệ	61.889.520	-
Lê Thị Hồng Nhung	53.971.480	-
Lê Thị Ngọc Dư	68.625.510	-
Lê Thị Thúy Uyên	62.140.550	-
Lê Văn Hào	53.218.500	-
Lương Thân Đình	56.123.550	-
Lý Quốc Xương	91.859.500	-
Đặng Thị Phương	49.556.000	-
Ngô Hồng Hiệp	52.934.146	-
Nguyễn Hữu Cường	109.493.335	-
Nguyễn Mỹ Thiên Thanh	87.866.575	-
Nguyễn Ngọc Mẫn	64.749.550	-
Nguyễn Ngọc Phương Châu	77.157.630	-
Nguyễn Thị Duyên	54.025.000	-
Nguyễn Thị Ngọc Phượng	806.940.000	-
Nguyễn Thị Thùy Linh	63.823.550	-
Nguyễn Văn Toàn Cơ	63.823.550	-
Nguyễn Văn Vinh	159.638.250	-
Phạm Bá Dũng	53.762.000	-
Phạm Trần Khanh	63.823.550	-
Phạm Trần Vĩnh Khanh	50.193.300	-
Hồ Thị Thu Bo	84.839.400	-
Quách Nghĩa Trọng	66.849.450	-
Tiết Diệu Phương	62.640.460	-
Tôn Thất Huy	65.900.885	-
Trần Châu Tường	87.810.525	-
Trần Long	63.869.850	-
Trần Thanh Thùy	78.035.887	-
Trần Thị Minh Ngọc	66.717.715	-
Trần Thị Mỹ Thanh	87.807.575	-
Trịnh Hữu Hạnh	64.092.760	-



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

Trịnh Thanh Toàn	65.570.100	-
Võ Đăng Bích	63.869.850	-
Võ Thị Thu Nguyệt	53.218.500	-
Vũ Minh Hạ	66.177.085	-
Huỳnh Ngọc Diễm	720.636.000	-
Trương Thị Thùy Nhi	60.094.600	-
Phạm Thị Hồng	56.432.500	-
Nguyễn Kim Ấn	50.430.000	-
Vũ Hồng Nga	47.874.200	-
Nguyễn Thị Mai	50.430.000	-
Vũ Anh Tuấn	50.578.500	-
Võ Thị Tường Anh	47.501.000	-
Lê Thị Thanh Hà	49.800.000	-
Đình Tấn Thuận	62.938.000	-
Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty khí	53.218.500	-
Trần Thị Lan Phương	53.200.000	-
Vũ Thị Diệp Chi	54.861.000	-
Các đối tượng khác	3.675.587.621	1.513.200
Tổng cộng	17.694.099.858	2.805.334.449

2.2 Trả trước cho người bán

	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5	84.805.714	84.805.714
Công ty TNHH Đông Hải	100.000.000	100.000.000
Phan Văn Thuyết	102.142.000	102.142.000
Trần Kim Minh	288.000.000	288.000.000
Đình Thị Bích	114.690.950	-
Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Thủy lợi Thuận Hòa - Tây Ninh	242.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Nhật Hào	560.000.000	560.000.000
Công ty TNHH Sản xuất thương mại Nhôm Kính Quang Trường	142.194.882	-
Trung tâm Kiểm định bản đồ và Tư vấn tài nguyên môi trường	65.000.000	-
Công ty Cổ phần xây dựng 584.3	8.884.666.851	10.818.774.175
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH OMEGA	552.000.000	552.000.000
Công ty Charter link limeted Hong Kong	4.677.483.945	4.677.483.945
Công ty Khảo sát thiết kế Sài Gòn	60.000.000	60.000.000
Công ty Lê Phan - TNHH	350.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng kiến trúc miền Nam	120.000.000	120.000.000
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế DP	250.505.346	250.505.346
Công ty TNHH Sản xuất thương mại xây dựng Mai Lam	641.083.989	1.039.086.800
Lê Công Trạn	8.430.250.000	-
Công ty Thiết kế kiến trúc PA	250.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn giám sát 584.2	464.899.999	260.299.999

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

Trung tâm Nghiên cứu công nghệ - Đại học Bách Khoa TP HCM	228.000.000	128.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Hoàng Thịnh	1.387.064.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển xây dựng	72.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế 584.1	617.756.000	222.764.800
Công ty TNHH Kim khí Việt Đà	30.119.159.127	35.115.001.157
Xí nghiệp kết cấu thép - Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây lắp Chương Dương	1.100.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Thăng Long	4.495.219.364	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Tường	359.005.000	212.462.160
Công ty TNHH Xây dựng thương mại An Xuân Thịnh	1.396.548.300	-
Công ty TNHH Sài Gòn Rita	182.000.000	-
Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	860.223.000	-
Công ty TNHH Quốc Thắng	2.100.000.000	-
Công ty CP Cơ điện lạnh 584.4	5.000.000.000	3.120.000.000
Công ty TNHH Thiết bị công nghệ Hoàng Gia	200.000.000	-
Công ty TNHH Kiến trúc NQH	704.000.000	-
Công ty TNHH Hoàng Gia Phát	300.000.000	-
Công ty Sunlight Luminaire - Singapore	590.679.937	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại Việt Đông Sơn	111.704.395	-
Công ty Vật liệu xây dựng Đông Dương TNHH	140.000.000	-
Công ty Cổ phần Thế giới xanh	85.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Vũ Việt Bình	154.000.000	162.779.100
Công ty TNHH Thiết kế và xây dựng Quốc tế ICP	682.806.316	1.150.000.000
Công ty TNHH Hoa Văn Pardo	562.720.484	61.368.890
Công ty TNHH Thương mại địa ốc Gia Hưng	116.712.000	-
Công ty TNHH Thép Trường Thịnh	293.955.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thế giới xanh	100.000.000	-
Dự án Tân Kiên - quận Bình Chánh	1.580.658.408	-
Công ty Cổ phần Thương mại & Xây dựng Hoàng Quang	-	87.727.080
Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học AISC	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH Bê Tông Tiên Phong	-	2.747.219.250
Công ty TNHH Thương mại xây dựng Điện Hưng Thịnh	-	1.253.047.700
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ miền Nam Việt Nam	-	50.000.000
Công ty Tư vấn thiết kế Đức Dung	16.000.000	16.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Đức Minh (304)	15.000.000	15.000.000
Công ty Cấp thoát nước	50.000.000	50.000.000
Chị Bích chủ nhà cho thuê 90 Đào Duy Anh	114.690.950	111.365.150
Công ty TNHH Trung Thành Hưng	18.941.200	18.941.200
Công ty TNHH Xây dựng Việt Thành	-	50.000.000
Công ty Viet net nam	-	5.965.000
Doanh nghiệp tư nhân Thiết kế Kim Anh	4.500.000	4.500.000
Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Kiệt	3.700.000	3.700.000
Hồ Tô Hà - Tất Anh (đất 348 Trịnh Đình Trọng, Q. Tân Phú)	-	2.000.000.000
Nguyễn Thị Bích Ngọc	-	14.000.000
Nguyễn Chi Lan (chủ nhà 69 Đào Duy Anh, phường 9, Q. Phú Nhuận)	-	45.214.400

02026184

CÔNG TY
 TRÁCH MIỆM HỮU
 HẠN TOÁN
 ĐÌNH GIÁ
 VIỆT NAM
 TP

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

Nguyễn Văn Huy (Xí nghiệp 799)	-	14.373.337
Nguyễn Văn Phi - Vũ Đoàn Thị Hợp	-	2.450.000.000
Công ty Tư Vấn 533	-	15.000.000
Tổ thi công Khu liên kế A & B - Lê Đăng Khoa	-	52.051.500
Xí nghiệp Xây lắp công nghiệp Điện lực Khánh Hoà	-	500.000.000
Các đối tượng khác	425.639.235	-
Tổng cộng	82.087.406.392	70.409.578.703

2.3 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tạm ứng	55.160.077.933	29.132.338.993
Nguyễn Văn Hiệp	22.106.775	22.106.775
Nguyễn Thiện Đội	752.564.220	752.564.220
Lương Văn Đồng	195.037.104	195.037.104
Vũ Cao Thắng	66.005.220	66.005.220
Nguyễn Văn Tiến	1.075.698.972	1.075.698.972
Lê Hoàng Phúc	4.436.062.913	4.436.062.913
Trương Tấn Thu	496.273.848	496.273.848
Phạm Hồng Linh	343.001.029	131.701.029
Nguyễn Quốc Quan	86.991.240	86.991.240
Lê Hồng Công	2.990.439.791	2.622.439.791
Huỳnh Tấn Tước	1.665.000.000	200.000.000
Đào Thành Hưng	100.000.000	100.000.000
Nguyễn Văn Chương	122.537.850	-
Nguyễn Hữu Hãn	78.855.919	78.855.919
Trần Thị Thanh Bình	231.474.568	64.474.568
Nguyễn Thị Thu Hằng	365.775.889	956.300.000
Võ Thị Trung Tâm	62.701.900	67.413.900
Nguyễn Văn Soát	1.126.400.000	-
Đặng Lâm Việt	2.506.779.835	2.523.707.835
Huỳnh Kim Nhung	77.796.264	19.424.755
Phan Đình Tuyên	9.679.317.257	2.683.999.672
Đỗ Thành Trường	18.710.393.851	83.400.000
Trần Đình Cường	1.006.585.000	1.006.585.000
Đỗ Quốc Túy	203.736.270	203.736.270
Vũ Ngọc Long	541.672.129	534.672.129
Đặng Kiều Tiên	749.020.686	1.290.654.407
Nguyễn Văn Thành	96.891.200	96.891.200
Nguyễn Ngọc Nam	58.322.819	33.321.819
Đỗ Thị Lan Thanh	150.000.000	835.225.888
Bùi Xuân Lâm	166.781.460	166.781.460
	123.902.065	55.222.315

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

Vũ Thị Năng	1.839.998.340	1.839.998.340
Trần Đình Phong	1.565.000.000	1.565.000.000
Huỳnh Công Khế	277.694.791	372.610.453
Nguyễn Thị Cúc	362.481.572	362.481.572
Văn Công Thuận	133.928.646	309.073.998
Mai Thị Kim Hạnh	648.424.200	372.864.200
Lê Chí Thanh	428.804.801	248.675.001
Vũ Thị Diệp Chi	83.677.046	83.677.046
Nguyễn Thanh Hòa	1.531.942.463	3.092.410.134
<i>Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn</i>	<i>82.942.030</i>	<i>82.942.030</i>
Các khoản ký quỹ ký cược	82.942.030	82.942.030
Tổng cộng	55.243.019.963	29.215.281.023

2.4 Đầu tư vào Công liên kết, liên doanh

	Tỷ lệ góp vốn %	30/06/2008 VND	01/01/2008 VND
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết</i>		<i>3.500.000.000</i>	<i>1.200.000.000</i>
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng 584.3	40%	400.000.000	400.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư thi	30%	300.000.000	300.000.000
Góp vốn vào Công ty Tư vấn giám sát 584.2	20%	200.000.000	200.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh 584.4	30%	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 584.1	30%	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 584.7	20%	2.000.000.000	-
Tổng cộng		3.500.000.000	1.200.000.000

2.5 Phải trả người bán

	30/06/2008 VND	01/01/2008 VND
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Long An Đức Bùi Minh	79.999.975	79.999.975
Doanh nghiệp Tư nhân Thu Anh	365.353.000	365.353.000
Doanh nghiệp Tư nhân Thu Anh	300.254.800	-
Phân viện Khoa học xây dựng - chi nhánh miền Nam	146.672.656	146.672.656
Công ty Cổ phần Xây dựng Thanh Niên	9.435.254.328	-
Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Gia Khiêm	76.118.660	219.022.000
Doanh nghiệp Tư nhân Thu Anh	172.298.700	172.298.700
Công ty TNHH Thương mại xây dựng Điện Hưng Thịnh	84.023.850	-
Công ty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại nhôm kính Quang Trường	150.539.443	150.539.443
Công ty Cổ phần Xây dựng 584.3	3.894.533.528	-
Công ty TNHH Kim khí Việt Đà	2.026.236.123	745.198.895

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

Công ty TNHH Bê tông Tiên Phong	1.245.531.748	-
Công ty TNHH Thương mại Thép Mười Đầy	576.870.261	-
Công ty TNHH Thép Trường Thịnh	536.476.130	-
Khu Du lịch và giải trí Nha Trang	2.427.688.354	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 584.4	1.021.287.667	-
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh 584.4	365.253.153	3.592.533
Công ty Kinh doanh vật tư thiết bị 584.5	82.876.267	-
Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Đăng Toàn	120.000.000	-
Công ty TNHH Thanh Yến	885.904.996	-
Công ty TNHH Sài Gòn Rita	689.117.273	-
Công ty Cổ phần Cường An Phát	96.000.000	-
Dự án Cara Resort - Nha Trang	1.580.658.408	-
Công ty TNHH Hữu Phước	450.000.000	181.246.494
Công ty Cổ phần Hưng Lộc	1.100.000.001	1.100.000.001
Công ty TNHH Thép Tân Thắng Lợi	209.593.825	-
Công ty Cổ phần Toàn Phát Hưng	60.860.525	60.860.525
Công ty Cổ phần Vật tư Sài Gòn	25.811.024	116.220.480
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	-	87.727.080
Công ty Cổ phần Tư vấn giám sát 584.2	-	17.999.742
Công ty Cổ phần Thương mại Sài Gòn	38.500.000	38.500.000
Công ty Cổ phần Tư vấn giám sát 533	-	5.353.800
Công ty Phần mềm máy tính NSC	-	5.014.210
Công ty THHH Công Nghiệp Tung Shin	2.000.000	756.345.051
Công ty Thiết kế kiến trúc PA	-	50.000.000
Công ty TNHH Chấn Anh (Đá đường 304)	13.263.137	73.263.137
Công ty TNHH Hoàng Gia Phát	-	2.464.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	-	30.500.000
Công ty TNHH Kiếng Đình Quốc	-	2.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Công nghệ Hoàng Gia	50.242.866	166.817.554
Công ty TNHH Thiết Kế và Xây dựng Quốc tế ICP	-	10.163.517
Công ty TNHH Thương mại & Xây dựng Gia Khiêm	57.768.900	57.768.900
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải Biển Mới	-	8.080.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ kiến trúc Việt Can	32.479.560	32.479.560
Công ty TNHH Trường An	127.142.400	127.142.400
Công ty TNHH Xây dựng & Sản xuất vật liệu xây dựng 1/5	36.419.999	122.581.222
Cơ Quan Thường trực miễn Nam-Báo Kinh tế hợp tác Việt Nam	10.000.000	10.000.000
Cơ sở Vật liệu xây dựng Phạm Đồng	80.980.400	80.980.400
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Thịnh	-	5.600.056
Doanh nghiệp tư nhân Lâm Văn No	-	39.836.001
Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Kiệt	440.096.551	440.096.551
Gara ô tô Ông Hậu	-	1.975.500
Liên hiệp móng địa chất	12.967.000	12.967.000
Nguyễn Thị Hoài Linh	27.480.000	27.480.000
Trung tâm kỹ thuật đường bộ	-	4.293.500
Trung tâm Giao thông vận tải phía Nam	38.670.000	38.670.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

Xí nghiệp Thiết bị Châu Đa	37.323.716	37.323.716
Các đối tượng khác	5.017.596.425	705.131
Tổng cộng	34.228.145.649	5.635.132.730

2.6 Người mua trả tiền trước

	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
Người mua nhà trả tiền trước	389.857.715.885	362.475.773.495
Công ty CP Xây dựng 198	13.000.000	13.000.000
Công ty Thanh niên xung phong TP. Hồ Chí Minh	251.406.902	251.406.902
Công ty TNHH Hoàn Cầu - Dự án Nha Trang	58.820.000.000	28.000.000.000
Cty Cổ phần Xây dựng & Kinh doanh Vật tư C & T	1.152.770.000	1.378.340.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	-	115.276.800.185
Người mua nhà ứng tiền trước	259.568.011.383	217.554.226.408
Ngân hàng Đầu tư & phát triển Việt Nam -sở giao dịch II	20.888.408.400	-
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn quận 4	36.194.778.400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh nhà Cửu Long	12.969.340.800	-
Các đối tượng khác	-	2.000.000
Doanh thu chưa thực hiện	-	14.706.099
Tổng cộng	389.857.715.885	362.490.479.594

2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.333.192.169	3.102.248.128
Chi phí đồ dùng văn phòng	130.443.143	124.246.567
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.748.517	424.173.246
Thuế, phí và lệ phí	6.144.618	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	363.190.355	356.309.707
Chi phí bằng tiền khác	3.874.301.767	827.458.458
Tổng cộng	5.872.020.569	4.837.436.106

2.8 Thu nhập khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	628.534.724	1.618.510.361

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

Thu từ chuyển nhượng cổ phần, quyền sở hữu nhà	692.303.035	659.764.315
Thu từ việc các đối tượng làm máy tiền đặt cọc các dự án	-	77.552.000
Cho thuê mặt bằng quảng cáo	-	58.513.091
Thu từ công nợ vãng lai	-	24.524.536
Thu nhập khác	27.272.727	3.779.473
Tổng cộng	1.348.110.486	2.442.643.776

2.9 Chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007 VND
Chi phí thanh lý tài sản	618.350.607	598.813.733
Chi phí bồi thường chấm dứt hợp đồng	22.394.400	-
Chi phí khác	-	779.586
Tổng cộng	640.745.007	599.593.319

2.10 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008	Kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	32.25	21.71
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	67.75	78.29
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	84.26	81.56
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	15.74	18.44
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1.19	1.23
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	0.48	0.33
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,04	0.02
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	9.65	-
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	9.65	-
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu			
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%	2.30	-
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	2.30	-
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản			
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	0.15	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
(tiếp theo)

2.11 Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 16/05/2007 đến 31/12/2007 lập bởi Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và khai thác công trình giao thông 584 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

TP Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2008
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác công
trình giao thông 584

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Bình

Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Phước

Giám đốc



Trần Kim Minh